

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ~~2933~~ 2933/QĐ-UBND

Bình Long, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đồ án và Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khang Minh Quân, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009 ngày 17/06/2009;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội Khóa XIV có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch – Xây dựng;
Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;
Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;
Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 1391/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Quyết định chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 07/ 8/ 2020 của UBND thị xã Bình Long về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Khang Minh Quân;

Xét Tờ trình số 471/ TTr -QLĐT ngày 31/12/2020 của Phòng Quản lý Đô thị về việc đề nghị phê duyệt đồ án và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khang Minh Quân, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án và Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khang Minh Quân, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long với các nội dung như sau:

I. NỘI DUNG QUY HOẠCH:

1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch:

Thị xã Bình Long nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là thị xã tỉnh lỵ của tỉnh Bình Phước, có tốc độ đô thị hóa cao và được xác định là một trong những vùng tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Phước. Hướng đến phát triển thị xã Bình Long có chất lượng, kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và không gian đô thị đồng bộ.

Xác định các dự án ưu tiên đầu tư, các công trình trọng điểm đối với thị xã Bình Long theo định hướng quy hoạch chung được duyệt. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch trên địa bàn hướng tới đồng bộ về quy hoạch.

Khu dân cư Khang Minh Quân, có vị trí nằm tiếp giáp đường hiện hữu vào nhà máy xi măng Bình Phước cách QL13 khoảng 300m thuộc quy hoạch đất ở quy hoạch chung thị xã Bình Long. Nhằm cụ thể hóa và phù hợp quy hoạch sử dụng đất của quy hoạch chung được duyệt, cùng với quy hoạch định hướng vùng tỉnh. Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 24/06/2020, đáp ứng nhu cầu cư trú, sinh hoạt cho người dân trong khu vực và các điểm dân cư lân cận nói chung.

2. Tính chất và quy mô dân số lập quy hoạch:

a) Là khu dân cư bố trí thành từng cụm nhà phố liên kế được đầu tư với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, phục vụ nhu cầu nhà ở cho người dân và đảm bảo khu dân cư quy hoạch phát triển hài hòa bền vững.

b) Quy mô dân số: Khoảng 900 người.

3. Phạm vi ranh giới và quy mô diện tích:

Khu đất quy hoạch Khu dân cư Khang Minh Quân, thuộc địa bàn xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tiếp giáp tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp: Giáp đất dân.
 - Phía Đông giáp: Giáp đường TL T23.
 - Phía Tây giáp: Giáp đất dân.
 - Phía Nam giáp: Giáp đường nhựa vào Nhà máy xi măng Bình Phước.
- Tổng diện tích khu vực quy hoạch khoảng: **53.735,3m²**.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phù hợp các quy định hiện hành và mang tính khả thi cao, đảm bảo giao thông thuận lợi, hạ tầng cơ bản cho người dân trong khu vực quy hoạch.

STT	LOẠI ĐẤT	SỐ LÔ	KÝ HIỆU CỤM	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ %	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG %	TẦNG CAO TỐI ĐA
A	ĐẤT Ở	207	LK	27,175.32	50.57%		6
I	Đất nhà ở liên kế 1	44	LK1	4,967.23		72%_80%	6
II	Đất nhà ở liên kế 2	43	LK2	4,936.63		75%_80%	6
III	Đất nhà ở liên kế 3	41	LK3	4,734.12		75%_80%	6
IV	Đất nhà ở liên kế 4	17	LK4	1,961.19		70%_80%	6
V	Đất nhà ở liên kế 5	9	LK5	913.64		75%_80%	6
VI	Đất nhà ở liên kế 6	24	LK6	2,899.95		68%_80%	
VII	Đất nhà ở liên kế 7	9	LK7	1,018.49		70%_80%	6
VII	Đất nhà ở xã hội 1	1	OXH-1	3,239.19			
VIII	Đất nhà ở xã hội 2	1	OXH-2	2,504.88			
B	ĐẤT CÂY XANH	1	CX	4,613.30	8.59%	5%	1
C	ĐẤT GIÁO DỤC	1	GD	2,693.00	5.01%	40%	2
D	ĐẤT BÃI XE	1	BĐX	845.89	1.57%	40%	1
E	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ TH		HTKT	1,126.00	2.10%	40%	
F	ĐẤT GIAO THÔNG		GT	17,281.79	32.16%		
G	TỔNG TOÀN KHU QH			53,735.30	100%		

5. Quy hoạch không quan kiến trúc cảnh quan:

5.1. Công trình công cộng:

* Công trình công cộng như giáo dục:

- Mật độ xây dựng tối đa là 40%.
- Tầng cao xây dựng từ 1-2 tầng.
- Khoảng lùi xây dựng: $\geq 6m$.

* Công trình bãi đỗ xe:

- Tầng cao xây dựng: 1tầng.

- Mật độ xây dựng tối đa: 40%.
- Khoảng lùi xây dựng: $\geq 3\text{m}$.

5.2. Công trình nhà ở liên kề:

- Tầng cao xây dựng: 1-6 tầng.
- Mật độ xây dựng tối đa: 80%.
- Khoảng lùi xây dựng:

Trên các tuyến đường khoảng lùi xây dựng các công trình lùi vào so với chỉ giới đường đỏ $= 3\text{m}$; Các lô tại vị trí giao lộ khoảng lùi đối với tuyến đường qua mặt tiền lô đất $= 3\text{m}$, tuyến đường còn lại lùi $= 1,2\text{m}$ tính từ chỉ giới đường đỏ.

6. Thiết kế đô thị:

6.1. Công trình điểm nhấn theo tầm nhìn:

- Cây xanh công viên đóng vai trò làm mảng xanh cảnh quan cân bằng sinh thái, bóng mát, thẩm mỹ, khu nghỉ ngơi vui chơi giải trí được bố trí tại hướng Bắc khu dự án. Cây xanh được trồng theo ba thể loại cơ bản: mặt cỏ thấp, cây bụi tầm trung, cây cao, được bố trí xen kẽ và phù hợp với quy định quy hoạch cây xanh của tỉnh.

- Công trình cổng chào khu dân cư: Hình thức mặt đứng kiến trúc, màu sắc phải hài hòa, đồng bộ với kiến trúc tổng thể của dự án. Đề thuận tiện cho chủ đầu tư về quy mô thiết kế cổng chào sẽ do chủ đầu tư tự quyết định trong quá trình xin phép xây dựng trước khi triển khai dự án.

6.2. Chiều cao xây dựng công trình:

- Nhà liên kề (đơn vị m): Tối đa 6 tầng
- Trường mầm non: Tối đa 2 tầng
- Công viên cây xanh: Tối đa 1 tầng
- Bãi đỗ xe: Tối đa 1 tầng

6.3. Chiều cao tầng:

- Nhà liên kề:

- + Chiều cao tầng 1: Tối thiểu 3,6m, tối đa là 4,5m tính từ nền nhà hoàn thiện.
- + Chiều cao các tầng còn lại: Tối thiểu 3m, tối đa là 3,9m tính từ mặt sàn hoàn thiện tầng dưới đến tầng trên.

- Trường mầm non

- + Chiều cao tầng 1: Tối thiểu 3,2m, tối đa là 3,6m tính từ nền nhà hoàn thiện.
- + Chiều cao tầng còn lại: Tối thiểu 3m, tối đa là 3,6m tính từ mặt sàn hoàn thiện tầng dưới đến tầng trên.

6.4. Mật độ xây dựng

- Nhà liên kề (Đơn vị %): Tối đa 80%.
- Trường mầm non: Tối đa 40%.
- Bãi đỗ xe: Tối đa 40%.
- Công viên cây xanh: Tối đa 5%.

6.5. Khoảng lùi xây dựng:

- Trên các tuyến đường khoảng lùi xây dựng các công trình lùi vào so với chỉ giới đường đỏ =3m; Các lô tại vị trí giao lộ khoảng lùi đối với tuyến đường qua mặt tiền lô đất =3m, tuyến đường còn lại lùi =1,2m tính từ chỉ giới đường đỏ.
- Đối với công trình trường mầm non khoảng lùi 6m tính từ chỉ giới đường đỏ

6.6. Hình thức kiến trúc:

- Hình thức mặt đứng kiến trúc hài hòa có thể sử dụng kiến trúc mặt đứng theo kiến trúc hiện đại, hoặc cổ điển nhưng phải đồng bộ theo từng khu, từng trục đường có thể sử dụng mái dốc hoặc mái bằng.
- Màu sắc phải hài hòa cùng tông theo từng khu, từng trục đường.

6.7. Quy định về cốt nền, tầng hoàn thiện công trình:

- Đối với công trình xây dựng: Cao độ sân phải cao hơn cao độ vỉa hè tối thiểu là 0,15m. Cao độ nền công trình phải được thiết kế cao hơn cốt sân với một khoảng cách thích hợp trên cơ sở phù hợp với tính chất và điều kiện sử dụng của từng khu chức năng cụ thể như sau.

- Công trình nhà ở:

- + Cao độ nền: 0,15m – 0,45m so với mặt sân hoàn thiện.
- + Cao độ tầng trệt: 3,6m – 4,5m so với cốt nền hoàn thiện.
- + Cao độ các tầng lầu: 3m – 3,9m so với cốt sàn tầng trệt hoàn thiện.

- Công trình trường học:

- + Cao độ nền: 0,3m – 0,45m so với mặt sân hoàn thiện.
- + Cao độ tầng trệt: 3,2m – 3,6m so với cốt nền hoàn thiện.
- + Cao độ tầng lầu: 3m – 3,6m so với cốt sàn tầng trệt hoàn thiện.

6.8. Quy định về ô văng, ban công:

- Các bộ phận của nhà ở được nhô quá chỉ giới xây dựng được quy định cụ thể như sau:

+ Kích thước ô văng, ban công và bậc tam cấp được nhô ra bằng 1,2m (nếu lộ giới >12m ÷ 15m).

+ Kích thước ô văng, ban công và bậc tam cấp được nhô ra bằng 1,4m (nếu lộ giới lớn hơn 15m).

+ Kích thước ô văng, ban công nhô ra bằng 1,4m (nếu lộ giới lớn hơn 15m).

Đối với các chi tiết kiến trúc khác thực hiện theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

6.9. Quy định về hàng rào của công trình:

Công trình nhà ở: Hàng rào tiếp giáp mặt tiền đường phải có hình thức kiến trúc thông thoáng, mỹ quan và thống nhất theo quy định của từng khu vực. Chiều cao tối đa của hàng rào không quá 2,4m tính từ mặt đất. Riêng tường rào



giáp với mặt tiền đường từ độ cao 0,6m tính từ mặt vỉa hè trở lên phải thiết kế và xây dựng thông thoáng.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch san nền:

Hiện trạng khu đất thiết kế quy hoạch có quy mô diện tích nhỏ, đồng thời có địa hình dốc thoải từ Tây Bắc sang Đông Nam. Do đó, thiết kế bám sát địa hình tự nhiên không cần sang lấp.

7.2. Quy hoạch giao thông:

*Giao thông đối ngoại

a) Hiện trạng giao thông: Hiện trạng khu đất tổng mặt bằng quy hoạch tiếp giáp tuyến đường lộ giới 36m đường vào nhà máy xi măng về hướng Nam đồng thời tiếp giáp tuyến đường bê tông hiện hữu lộ giới 18m về hướng Đông cách tuyến QL13 khoảng 300m về hướng Đông.

b) Đường phân lô: Để phù hợp chỉ tiêu và kinh tế thì phương án giữ nguyên lộ giới các tuyến đường hiện trạng tiếp giáp ngoài ranh đất hoàn thiện nâng cấp để đảm bảo không thay đổi hiện trạng. Đồng thời, mở các tuyến đường kết nối với nội khu quy hoạch liên hệ giữa khu nhằm thuận tiện bố trí các lô nhà liên kế đảm bảo giải pháp về hạ tầng kỹ thuật và có mặt tiền tiếp giáp đường. Gồm các tuyến đường có ký hiệu: đường D1, D2, D3, N1.

c) Diện tích và chiều dài các tuyến đường giao thông:

BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG TRONG KHU QUY HOẠCH								
S TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI	LỘ GIỚI	VỈA HÈ	BÈ RỘNG	GPC	BÈ RỘNG	VỈA HÈ
		m	m	TRÁI (m)	TRÁI (m)		m	PHẢI (m)
A	GIAO THÔNG ĐỐI NỘI							
1	D1	240,67	13	3,5	3	0	3	3,5
2	D2	259,23	19	4	5,5	0	5,5	4
3	D3	224,25	13	3,5	3	0	3	3,5
4	D4	266,00	18	3	6	0	6	3
5	N1	192,46	13	3,5	3	0	3	3,5
6	ĐƯỜNG GOM	304	10	3	3,5		3,5	0

7.3. Quy hoạch cấp nước:

a. Nguồn nước:

- Giai đoạn đầu: Chủ đầu tư sẽ xây dựng hệ thống giếng khoan và cụm xử lý sơ bộ, qua hệ thống bơm cung cấp nước cho toàn mạng lưới cấp nước trong khu vực dự án. Khu vực đặt cụm xử lý sơ bộ và hệ thống bơm rộng khoảng 200m² vị trí tại khu công viên của dự án

Giai đoạn 2: Đầu nối vào hệ thống cấp nước trên tuyến đường nhựa hiện hữu.

b. Mạng lưới đường ống phân phối:

- Sử dụng các tuyến ống cấp nước chính bố trí trên hệ đường tiểu khu có đường kính D50 đến D110. Sử dụng ống nhựa uPVC hoặc ống HDPE, thiết kế theo mạng vòng và mạng cụt.

c. Cấp nước chữa cháy:

- Bố trí các trụ chữa cháy trên các tuyến ống cấp nước có đường kính Ø110mm. Khoảng cách tối đa giữa hai trụ là 150m. Khi có cháy lấy ước từ mạng lưới chung để chữa cháy, mỗi đám cháy có lưu lượng chữa cháy là 10l/s, áp lực tối thiểu 10m vò trước vòi chữa cháy.

7.4. Quy hoạch thoát nước thải và thu gom chất thải rắn:

a) Quy hoạch thoát nước thải:

- Tổng lượng nước thải: 98,38 m³/ngày/đêm (100% nước sinh hoạt và nước phục vụ công cộng).

- Hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước thải riêng:

+ Các hộ gia đình, các công trình công cộng phải xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn hoặc bể tự hoại dạng tự thấm.

* Giai đoạn đầu: Nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ tại các khu nhà liên kế, nhà ở xã hội, khu dịch vụ công cộng bằng các bể tự hoại và dẫn ra bể chứa nước thải chung của khu vực (bể tự hoại 3 ngăn theo TCVN). Từ đây sẽ có xe chuyên dùng vận chuyển nước đến trạm xử lý nước thải tập trung.

- Bể chứa nước thải tập trung thể tích DxRxC: 10,7x6,45x3,6 đặt tại khu vực quy hoạch bãi xe của khu vực.

+ Giai đoạn sau: Thu gom nước thải về khu xử lý tập trung của địa phương sau khi địa phương đầu tư khu xử lý nước thải tập trung và đầu tư đường ống qua khu vực dự án.

b) Thu gom chất thải rắn:

- Tổng lượng chất thải rắn phát sinh: 810 Kg/ngđ. (0.9 kg/người*900 người).

- Quy hoạch thu gom chất thải: Tổ chức mạng lưới thu gom chất thải rắn cho các công trình công cộng và khu dân cư. Tại các công trình công cộng bố trí các thùng đựng rác thể tích 360l và 550l.

- Bố trí thùng đựng rác riêng tại các công trình công cộng.

- Các điểm dân cư chất thải rắn được thu gom bằng xe đẩy tay sau đó vận chuyển đến điểm tập kết. Hàng tuần sẽ có xe chuyên chở rác thu gom tại các điểm tập kết chuyên đến bãi tập trung chất thải rắn.

7.5. Quy hoạch thoát nước mưa:

- Thoát ra hệ thống thoát nước trên đường bê nhựa hiện hữu qua khu vực dự án.

- Hệ thống thoát nước được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng giữa thoát nước mưa và thoát nước thải.

** Mạng lưới cống thoát nước mưa:*

- Mạng lưới thoát nước sử dụng cống tròn bê tông cốt thép tối thiểu D500 bố trí sát lề đường thu gom nước của dự án. Cống thoát nước được tính toán lựa chọn đường kính đảm bảo lưu lượng thoát nước và kết cấu chịu tải trọng.

- Ga thu thăm kết hợp bố trí đảm bảo khoảng cách theo tiêu chuẩn, trung bình bố trí khoảng 20-40m/ga sử dụng kết cấu bê tông cốt thép.

- Tính toán hệ thống nước mưa theo phương pháp cường độ giới hạn.

7.6. Quy hoạch cấp điện, điện chiếu sáng:

7.6.1 Quy hoạch cấp điện

a) Định hướng cấp nguồn điện

- Nguồn cấp điện cho dự án được lấy từ lưới điện quốc gia qua tuyến đường nhựa hiện hữu đi qua dự án.

- Dựa trên quy hoạch phân khu chức năng và cơ cấu sử dụng đất và nhu cầu sử dụng điện dự kiến hiện tại và trong tương lai, nguồn cấp cho dự án được định hướng dự kiến với công suất tính toán và lắp đặt cụ thể sau:

- + Tổng công suất nhu cầu tính toán : STT = 361,40 kVA;
- + Tổng công suất lắp đặt : SLđ = 400 kVA.

b) Định hướng mạng lưới trung thế

- Căn cứ vào định hướng quy hoạch phát triển lưới điện điện lực của tỉnh Bình Phước.

c) Định hướng trạm biến áp phân phối

- Sử dụng các máy biến áp 3 pha -22kV/0.4kV, có gam máy biến áp từ 160kVA đến 2000kVA; Công suất được tính toán lắp đặt phù hợp theo phụ tải cần cung cấp.

- Đặc tính kỹ thuật:

- + Cấp điện áp : 22kV/0.4kV ;
- + Phía 22kV : $22 \pm 2 \times 2,5\%$ kV;
- + Phía 0.4kV : 0.4kV.

d) Định hướng mạng lưới hạ thế

- Toàn bộ mạng lưới hạ thế được thiết kế đi nổi.
- Cấp điện áp : 220V/380V;
- Hệ thống cáp hạ thế được định hướng có cấu trúc mạch tia. Hệ thống được liên kết bởi tủ phân phối hạ thế.

7.6.2. Quy hoạch chiếu sáng

a. Chỉ tiêu thiết kế

- Để đảm bảo tính kinh tế nhưng vẫn thỏa mãn yêu cầu về độ rọi, độ chói và đồng đều trên suốt tuyến theo từng tuyến đường theo yêu cầu kỹ thuật, hệ thống chiếu sáng được định hướng:

+ Đảm bảo an toàn cho quá trình tham gia giao thông, an ninh, an toàn trong đô thị, phải tạo được độ chói cần thiết để mắt nhận biết được các chi tiết nhỏ, ở độ tương phản thấp với tốc độ cao, tương ứng với tình huống giao thông;

+ Độ chói phải đồng đều trên mặt đường theo cả phương dọc và phương ngang, hạn chế sự xuất hiện các khoảng tối, nơi có thể che dấu các mối nguy hiểm;

+ Không gây loá mắt người điều khiển phương tiện giao thông .

+ Thuận tiện và an toàn trong quản lý, vận hành hệ thống công trình chiếu sáng; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Yêu cầu chiếu sáng các loại đường giao thông

SSTT	Cấp đường	Đặc điểm	Độ chói trung bình tối thiểu, L_{tb} (cd/m^2)	Độ đồng đều độ chói chung, U_0	Độ đồng đều độ chói dọc, U_1	Chỉ số loá không tiện nghi G, tối thiểu	Độ tăng ngưỡng TI tối đa, (%)	Độ rọi ngang trung bình tối thiểu, $E_{n,tb}$, (lx)
1	Đường cấp đô thị: Đường cao tốc	Tốc độ 80-100 km/h	2	0,4	0,7	6	10	20
2	Đường cấp đô thị: Đường trục chính, đường chính đô thị, đường liên khu vực	Có dải phân cách	1,5	0,4	0,7	5	10	10
		Không dải phân cách	2	0,4	0,7	6	10	20
3	Đường cấp khu vực: đường chính khu vực, đường khu vực	Có dải phân cách	1	0,4	0,6	4	10	7
		Không dải phân cách	1,5	0,4	0,6	5	10	10
4	Đường cấp nội bộ	Hai bên đường sáng	0,75	0,4	0,5	4	15	7
		Hai bên đường tối	0,5	0,4	0,5	5	15	10

b. Định hướng hệ thống chiếu sáng công cộng

Nhằm để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hệ thống chiếu sáng được định hướng cụ thể sau:

- Độ cao cột đèn ảnh hưởng đến độ đồng đều độ chói ngang của đường, được chọn phù hợp với kiểu bố trí đèn, được quy định:

Yêu cầu độ cao cột đèn (H) phụ thuộc kiểu bố trí đèn và chiều rộng đường

Kiểu bố trí đèn	Một phía	Đối diện	So le
Độ cao cột đèn, H	$H \geq l$	$H \geq 0,5 \cdot l$	$H \geq 2/3 \cdot l$
Ghi chú: l là chiều rộng đường			

+ Chiều cao trụ đèn chiếu sáng: tương ứng với yêu cầu độ cao cột đèn, hệ thống trụ đèn sẽ được tính toán theo yêu cầu cấp đường và bề rộng mặt đường và cách bố trí đèn. Hệ thống chiếu sáng dự kiến sẽ được sử dụng trụ đèn thép côn tròn mạ kẽm nhúng nóng có chiều cao 10m.

+ Phương án bố trí hệ thống trụ đèn: bố trí một bên vỉa hè, trên dải phân cách: khoảng cách liên tiếp giữa 2 trụ trung bình khoảng 25m – 35m.

+ Đèn chiếu sáng giao thông: nhằm đảm bảo tiết kiệm năng lượng và độ bền sử

dụng cao, hệ thống được định hướng sử dụng loại đèn tiết kiệm năng lượng, dùng đèn LED có công suất từ 75W/220V tiết kiệm điện và thân thiện với môi trường.

+ Dùng tủ điều khiển chiếu sáng tự động kết hợp điều khiển bằng tay, nhằm để tăng tính linh động và đảm bảo trong quá trình khai thác và vận hành.

+ Sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,4/1kV tiết diện từ 10mm² đến 25mm² luồn trong ống nhựa xoắn HDPE chôn ngầm dưới vỉa hè (dưới lòng đường) bằng phương pháp đào tái lập taluy.

- Nguồn cấp cho hệ thống chiếu sáng được lấy từ các trạm biến áp công cộng lắp đặt khu vực.

7.6.3. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

a) Giải pháp quy hoạch:

Các giải pháp quy hoạch hệ thống Thông tin liên lạc cho khu vực thiết kế dựa trên cơ sở các đường truyền tín hiệu và dữ liệu phải đảm bảo được các nhu cầu sử dụng theo từng khu vực, theo từng giai đoạn.

b) Hình thức:

- Đầu tư xây dựng mới một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia và quốc tế.

- Các tuyến cáp quang sẽ được lắp đặt trong tuyến cống bê và được chôn ngầm dưới vỉa hè bằng phương pháp đào tái lập.

c) Cáp:

- Xây dựng hệ thống cống - bê ngầm (sử dụng ống dẫn uPVC hoặc HDPE) dùng để luồn các tuyến cáp quang.

- Sử dụng các loại cáp viễn thông: Cáp quang đơn mode (Single Mode Fiber Optic) hoặc đa mode (Multi Mode Fiber Optic) phù hợp với chuẩn ITU-G652,...

d) Tủ phối quang:

Hệ thống tủ phối quang: Khu vực quy hoạch tủ được đặt ở khu công viên đất công trình công cộng.

e) Tuyến hào cống bê:

- Đầu tư xây dựng mới các tuyến cống bê trong khu vực, tất cả các cáp được bảo vệ bằng ống uPVC hoặc HDPE được lắp đặt ngầm dưới vỉa hè (lòng đường).

- Thiết kế hệ thống ống chờ cáp quang vào các khu chức năng thuộc dự án đảm bảo dự phòng tối đa cho 3 nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác nhau cùng tham gia khai thác và đầu tư. Hệ thống được tính toán dự phòng 20~30% ống chờ kéo cáp.

8. Các hoạt động bảo vệ môi trường cần chú trọng:

Tuyệt đối tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế, thi công về vệ sinh môi trường trong khu quy hoạch, đặc biệt là xử lý nước thải, chất thải rắn.

Giải pháp bảo vệ môi trường:

a. *Lồng ghép mục tiêu bảo vệ môi trường trong các giải pháp quy hoạch*

- Khu vực cải thiện chất lượng môi trường: Các khu cây xanh sinh thái, cây xanh mặt nước, cây xanh TĐTT.

- Khu vực quản lý các nguồn phát sinh chất thải: Khu biệt thự, khu đất liền kề phát sinh lượng lớn chất thải rắn. Bố trí thùng rác công cộng, hệ thống thoát nước thải tập trung đảm bảo thu gom và xử lý triệt để chất thải rắn và nước thải phát sinh.

b. *Giải pháp bảo vệ môi trường*

- Giải pháp bảo vệ môi trường đất: Tuân thủ các giải pháp thiết kế san nền trong đồ án quy hoạch chi tiết.

- Giải pháp bảo vệ môi trường không khí, tiếng ồn: trồng cây xanh dọc các đường giao thông.

- Tại các khu tập trung dân cư nên bố trí trồng cây xanh cách ly, cây xanh 2 bên đường tại các nút giao thông có mật độ phương tiện qua lại cao giảm thiểu ô nhiễm bụi và tiếng ồn.

- Giải pháp bảo vệ môi trường nước:

+ Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo thiết kế của đồ án.

+ Nước thải sinh hoạt được thu gom tập trung và xử lý cục bộ, nhằm hạn chế sự xâm nhập các nguồn nước ô nhiễm vào nguồn nước mặt.

+ Nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường phải tuân thủ QCVN 14:2008/BTNMT.

- Giải pháp bảo vệ môi trường do chất thải rắn:

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo công tác thu gom được thực hiện hàng ngày và do một đơn vị chịu trách nhiệm, đưa đi chôn lấp tại khu lấp CTR tập trung.

+ Đối với chất thải rắn y tế: thu gom và chuyển đến hệ thống lò đốt chất thải rắn y tế cho bệnh viện.

II. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH:

(Kèm theo Quy định quản lý đồ án).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: Công ty TNHH MTV kiến trúc & xây dựng Facom.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Khang Minh Quân.

3. Cơ quan thẩm định: Phòng Quản lý Đô thị thị xã Bình Long.

4. Cơ quan phê duyệt: UBND thị xã Bình Long.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH Khang Minh Quân có trách nhiệm phối hợp với Phòng Quản lý đô thị, UBND xã Thanh Lương triển khai công bố công khai đồ án quy

hoạch chi tiết được phê duyệt; thời gian và nội dung công bố công khai thực hiện theo quy định.

Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khang Minh Quân, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long sau khi được UBND thị xã phê duyệt là cơ sở để chủ đầu tư lập dự án đầu tư xây dựng và cấp giấy phép xây dựng.

2. UBND xã Thanh Lương có trách nhiệm:

Tổ chức kiểm tra, quản lý chặt chẽ thực hiện đầu tư xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng HĐND - UBND thị xã; Trưởng các phòng: Quản lý Đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính – KH; Chủ tịch UBND xã Thanh Lương; Đơn vị lập quy hoạch; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT. UBND thị xã;
- LDVP, CV (SX);
- Lưu VT.

**TM. UBND THỊ XÃ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Thị Hồng Vân



QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN
Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 xây dựng Khu dân cư Khang Minh
Quân, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long.

Địa điểm: xã thanh lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm
2020 của UBND thị xã Bình Long)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý sử dụng đất đai; xây dựng và khai thác sử dụng các công trình trong phạm vi ranh giới quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khang Minh Quân, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long đã được UBND thị xã Bình Long phê duyệt.

2. Căn cứ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khang Minh Quân, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long đã được duyệt và quy định này, các cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý sử dụng đất đai và chính quyền địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, quản lý việc triển khai các dự án đầu tư; thỏa thuận các giải pháp kiến trúc cảnh quan, môi trường... theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và theo chỉ đạo của UBND thị xã Bình Long.

3. Việc điều chỉnh bổ sung hoặc thay đổi quy định này phải dựa trên cơ sở đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khang Minh Quân, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền Quyết định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

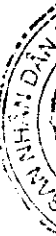
Các cơ quan quản lý xây dựng, đất đai, chính quyền địa phương theo phân cấp căn cứ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khang Minh Quân, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long đã được phê duyệt và quy định này, có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng đất trong khu quy hoạch và kiểm tra việc xây dựng công trình theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Phạm vi ranh giới và quy mô diện tích khu đất quy hoạch:

1. Phạm vi ranh giới:

Khu đất quy hoạch Khu dân cư Khang Minh Quân, thuộc địa bàn xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tiếp giáp tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp: Giáp đất dân.
- Phía Đông giáp: Giáp đường nhựa hiện hữu.
- Phía Tây giáp: Giáp đất dân.



- Phía Nam giáp: Giáp đường nhựa vào nhà máy xi măng Bình Phước

2. Quy mô diện tích: Tổng diện tích khu vực quy hoạch khoảng: **53.735,3 m²**.

3. Quy mô dân số: Dân số dự kiến khoảng **900** người.

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

Quy định về sử dụng đất: Theo bảng tính toán chi tiết dưới đây:

S TT	LOẠI ĐẤT	SỐ LÔ	KÝ HIỆU CỤM	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ %	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG %	TẦNG CAO TỐI ĐA
A	ĐẤT Ở	207	LK	27,175.32	50.57%		6
I	Đất nhà ở liên kề 1	44	LK1	4,967.23		72% 80%	6
II	Đất nhà ở liên kề 2	43	LK2	4,936.63		75% 80%	6
III	Đất nhà ở liên kề 3	41	LK3	4,734.12		75% 80%	6
IV	Đất nhà ở liên kề 4	17	LK4	1,961.19		70% 80%	6
V	Đất nhà ở liên kề 5	9	LK5	913.64		75% 80%	6
VI	Đất nhà ở liên kề 6	24	LK6	2,899.95		68% 80%	
VII	Đất nhà ở liên kề 7	9	LK7	1,018.49		70% 80%	6
VII	Đất nhà ở xã hội 1	1	OXH-1	3,239.19			
VIII	Đất nhà ở xã hội 2	1	OXH-2	2,504.88			
B	ĐẤT CÂY XANH	1	CX	4,613.30	8.59%	5%	1
C	ĐẤT GIÁO DỤC	1	GD	2,693.00	5.01%	40%	2
D	ĐẤT BÃI XE	1	BĐX	845.89	1.57%	40%	1
E	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ TH		HTKT	1,126.00	2.10%	40%	
F	ĐẤT GIAO THÔNG		GT	17,281.79	32.16%		
G	TỔNG TOÀN KHU QH			53,735.30	100%		

2. Các chỉ tiêu về sử dụng đất:

- + Mật độ xây dựng tối đa khu đất ở liên kề xây mới là 80,00%.
- + Mật độ xây dựng tối đa khu cây xanh là 5,00%.
- + Mật độ tối đa khu bãi xe là 40%.
- + Mật độ xây dựng tối đa khu đất trường mầm non là 40,00%.

+ Mật độ xây dựng tối đa khu đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật là 40,00%.

Điều 5. Quy định về kiến trúc:

1. Quy định về khoảng lùi xây dựng công trình:

- Công trình giáo dục (trường mầm non): Khoảng lùi $\geq 6m$ được quy định cụ thể trong bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng.

- Nhà ở liền kề: Các lô tại vị trí giao lộ khoảng lùi đối với tuyến đường qua mặt tiền lô đất = 3m, tuyến đường còn lại lùi = 1,2m tính từ chỉ giới đường đỏ, được quy định cụ thể trong bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng.

- Khu nhà ở xã hội, công viên cây xanh, bãi xe và Khu hạ tầng kỹ thuật: Khoảng lùi xây dựng lùi vào so với chỉ giới đường đỏ = 3m.

- Riêng công, hàng rào, nhà bảo vệ được phép xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ và góc vát tầm nhìn giao lộ theo quy hoạch được duyệt.

2. Chiều cao tầng công trình:

- Nhà liền kề: Chiều cao 01- 06 tầng (được quy định rõ trong bản đồ quy hoạch sử dụng đất).

+ Chiều cao tầng 1: Tối thiểu 3,6m, tối đa là 4,5m tính từ nền nhà hoàn thiện.

+ Chiều cao các tầng còn lại: Tối thiểu 3m, tối đa là 3,9m tính từ mặt sàn hoàn thiện tầng dưới đến tầng trên.

- Trường mầm non: Chiều cao từ 1-2 tầng (được quy định rõ trong bản đồ quy hoạch sử dụng đất).

+ Chiều cao tầng 1: Tối thiểu 3,2m, tối đa là 3,6m tính từ nền nhà hoàn thiện.

+ Chiều cao tầng còn lại: Tối thiểu 3m, tối đa là 3,6m tính từ mặt sàn hoàn thiện tầng dưới đến tầng trên.

- Công trình dịch vụ công viên: Tầng cao tối đa công trình: 01 tầng.

- Công trình đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật: Tầng cao tối đa công trình 01 tầng.

3. Quy định về cốt nền, tầng hoàn thiện công trình:

- Đối với công trình xây dựng: Cao độ sân phải cao hơn cao độ vỉa hè tối thiểu là 0,15m. Cao độ nền công trình phải được thiết kế cao hơn cốt sân với một khoảng cách thích hợp trên cơ sở phù hợp với tính chất và điều kiện sử dụng của từng khu chức năng cụ thể như sau.

- Công trình nhà ở:

- + Cao độ nền: 0,15m – 0,45m so với mặt sân hoàn thiện.
- + Cao độ tầng trệt: 3,6m – 4,5m so với cốt nền hoàn thiện.
- + Cao độ các tầng lầu: 3m – 3,9m so với cốt sàn tầng trệt hoàn thiện.

- Công trình trường học:

- + Cao độ nền: 0,3m – 0,45m so với mặt sân hoàn thiện.
- + Cao độ tầng trệt: 3,2m – 3,6m so với cốt nền hoàn thiện.
- + Cao độ tầng lầu: 3m – 3,6m so với cốt sàn tầng trệt hoàn thiện.

4. Quy định về ô văng, ban công:

- Các bộ phận của nhà ở được nhô quá chỉ giới xây dựng được quy định cụ thể như sau:

- + Kích thước ô văng, ban công và bậc tam cấp được nhô ra bằng 1,2m (nếu lộ giới > 12m ÷ 15m).
- + Kích thước ô văng, ban công và bậc tam cấp được nhô ra bằng 1,4m (nếu lộ giới lớn hơn 15m).
- + Kích thước ô văng, ban công nhô ra bằng 1,4m (nếu lộ giới lớn hơn 15m).

Đối với các chi tiết kiến trúc khác thực hiện theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

5. Quy định về hàng rào của công trình:

Công trình nhà ở: Hàng rào tiếp giáp mặt tiền đường phải có hình thức kiến trúc thông thoáng, mỹ quan và thống nhất theo quy định của từng khu vực. Chiều cao tối đa của hàng rào không quá 2,4m tính từ mặt đất. Riêng tường rào giáp với mặt tiền đường từ độ cao 0,6m tính từ mặt vỉa hè trở lên phải thiết kế và xây dựng thông thoáng.

Điều 6. Đất giao thông:

1. Đất giao thông:

Bảng thống kê chi tiết đường giao thông:

BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG TRONG KHU QUY HOẠCH								
S TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI	LỘ GIỚI	VỈA HÈ	BỀ RỘNG	GPC	BỀ RỘNG	VỈA HÈ
		m	m	TRÁI (m)	TRÁI (m)		m	PHẢI (m)
A	GIAO THÔNG ĐỐI NỘI							
1	D1	240,67	13	3,5	3	0	3	3,5
2	D2	259,23	19	4	5,5	0	5,5	4
3	D3	224,25	13	3,5	3	0	3	3,5
4	D4	266,00	18	3	6	0	6	3
5	N1	192,46	13	3,5	3	0	3	3,5
6	ĐƯỜNG GOM	304	10	3	3,5		3,5	0

2. Các chỉ tiêu chủ yếu về quản lý xây dựng đường giao thông:

- Độ dốc dọc lớn nhất 7%.
- Bán kính bó vỉa $\geq 8m$.
- Kết cấu mặt đường nội bộ: Bê tông nhựa hạt mịn.
- Kết cấu vỉa hè: Đá tự nhiên, gạch block tự chèn hoặc gạch terrazzo, bó vỉa bê tông xi măng.

3. Các vùng cấm xây dựng:

- Hành lang lộ giới các tuyến đường theo quy hoạch đã được duyệt.
- Khu vực hành lang bảo vệ suối, mặt nước.

4. Tầm nhìn giao lộ: Thực hiện theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây hiện hành và theo quy định quản lý về xây dựng của UBND tỉnh Bình Phước.

5. Quy định về cây xanh, vỉa hè:

- Trồng cây xanh không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông hoặc làm hư hại đến móng nhà, tường rào, vỉa hè và các công trình ngầm.

- Cây xanh được trồng không làm ảnh hưởng đến môi trường (*cây tiết ra chất độc, cây hấp dẫn côn trùng hoặc cây có mùi gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người*).

- Không trồng các loại cây xanh cấm trồng trong đô thị theo Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 18/9/2014 ban hành danh mục cây trồng, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trên đường phố công viên – vườn hoa và các khu vực công cộng khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Việc trồng cây xanh trên vỉa hè các tuyến đường theo quy hoạch và tại cụm hoa viên cây xanh phải thực hiện theo quy trình kỹ thuật chuyên ngành và theo hồ sơ dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Vỉa hè trong khu quy hoạch dùng để đi bộ và bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật như: Điện, cấp nước, thoát nước, cây xanh,....

- Vật liệu sử dụng cho vỉa hè phải đồng chất đồng màu, nhằm tạo mỹ quan chung cho các trục đường giao thông.

Điều 7. Bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống đường dây, đường ống kỹ thuật (gồm đường điện, điện chiếu sáng, đường ống cấp nước, cống thoát nước mưa, nước thải) được bố trí bên trong hào kỹ thuật trên vỉa hè của các tuyến đường và trong phần đất thuộc hành lang thoát hiểm.

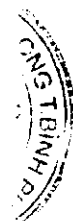
b) Bố trí hệ thống thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước bản, hoạt động với chế độ tự chảy.

Nước mưa được thu gom nhờ các tuyến cống đi dọc theo hai bên các tuyến đường giao thông và thoát ra cửa xả chảy ra suối hiện hữu.

Điều 8. Vệ sinh môi trường:

Nước thải bản:



- Hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước thải riêng:

+ Các hộ gia đình, các công trình công cộng phải xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn hoặc bể tự hoại dạng tự thấm.

*Giai đoạn đầu: Nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ tại các khu nhà liên kế, nhà ở xã hội, khu dịch vụ công cộng bằng các bể tự hoại và dẫn ra bể chứa nước thải chung của khu vực (bể tự hoại 3 ngăn theo TCVN). Từ đây sẽ có xe chuyên dùng vận chuyển nước đến trạm xử lý nước thải tập trung.

- Bể chứa nước thải tập trung thể tích DxRxC: 10,7x6,45x3,6 đặt tại khu vực quy hoạch bãi xe của khu vực.

+ Giai đoạn sau: Thu gom nước thải về khu xử lý tập trung của địa phương sau khi địa phương đầu tư khu xử lý nước thải tập trung và đầu tư đường ống qua khu vực dự án.

Hệ thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, hoạt động với chế độ tự chảy.

Nước thải được thu gom nhờ các tuyến cống đi dọc theo hai bên các tuyến đường giao thông và trong phần đất thuộc hành lang thoát hiểm.

b) Rác thải:

Rác sinh hoạt sẽ được thu gom tập trung về bãi tập kết rác trong ngày được bố trí tại khu đất đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật và sẽ được xe chuyên dùng chở đi xử lý.

Điều 9. Quy định về xây dựng:

Tất cả các công trình khi xây dựng phải thực hiện theo đúng các quy định của Pháp luật về đầu tư xây dựng; Quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành và theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khang Minh Quân, thị xã Bình Long đã được UBND thị xã Bình Long phê duyệt.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Phòng Quản lý Đô thị thị xã Bình Long để giải quyết hoặc báo cáo UBND thị xã Bình Long xem xét chỉ đạo xử lý theo quy định.

Điều 11. Các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan khi triển khai đầu tư xây dựng công trình, nhà ở trong khu quy hoạch phải thực hiện theo đúng các quy định hiện hành và theo các nội dung trong bản quy định này.

